

Bản án số: **40/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân

2. Bà Trần Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên
tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐ-TA ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Lương Thị Cẩm N, sinh năm 1987 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Trương Như L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh T, xã Phong Đ, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Lương Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L cưới nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Đông ngày 18/11/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn

cự cãi do anh L thường xuyên chơi đá gà, cờ bạc, chị N đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi, anh không quan tâm chăm sóc vợ con, đến nay chị không còn khả năng chịu đựng được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung tên Trương Lương Mỹ U, giới tính nữ, sinh ngày 08/12/2021, hiện cháu U đang sống cùng chị N, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh L không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh L. Về con chung là cháu Trương Lương Mỹ U, giới tính nữ, sinh ngày 08/12/2021 đề nghị giao cho chị N nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ, cấp dưỡng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị N xin ly hôn với anh L, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh L kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đông và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh L đã có thời gian chung sống hạnh phúc, từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn cự cãi do anh L thường xuyên chơi đá gà, cờ bạc, chị N đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi, anh không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, chị đã cố gắng chịu đựng để giữ mối quan hệ hôn nhân hạnh phúc nhưng đến nay chị không còn khả năng chịu đựng được nữa để chung sống với anh L. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh L. Đối với anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh L.

[4] *Về con chung*: Chị N và anh L có 01 người con chung tên Trương Lương Mỹ U, giới tính nữ, sinh ngày 08/12/2021, hiện cháu U do chị N đang nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy cháu U dưới 36 tháng tuổi, từ khi chị N và anh L sống ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi con chung, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị N có đủ điều kiện nuôi con. Còn anh L trong quá trình giải quyết vụ án anh không có ý kiến gì đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Trương Lương Mỹ U cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Xét thấy anh L là cha ruột của cháu U, do anh L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng cho con. Việc chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị N là N đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh L là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị Cẩm N được ly hôn với anh Trương Như L.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Lương Mỹ U, giới tính nữ, sinh ngày 08/12/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng (cháu U hiện đang sống với chị Uyên), anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi. Anh L có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án dân sự nếu anh L không trả số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003732 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị N đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Là 300.000 đồng, anh L phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

4. N đơn chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng